

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 4 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Định và bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 1 C, xã B, huyện B, tỉnh H. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh H. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn K là tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh H.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh Kiên chơi bời, cờ bạc, lười lao động, không quan tâm tới vợ con, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh K không nghe nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, kéo dài. Đến tháng 8/2016, chị

ly thân với anh K cho đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/01/2009, cháu đang do ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H (ông bà nội cháu) nuôi dưỡng; cháu thứ hai là Nguyễn Hữu Ch, sinh ngày 01/12/2010, do chị đang nuôi dưỡng.

Nếu vợ chồng ly hôn: Chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ch; giao anh K nuôi dưỡng cháu Q cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác*: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn K; tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do; chị H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ của anh K): Anh K, chị H kết hôn tự nguyện, sau khi cưới anh chị về chung sống cùng gia đình bà khoảng một tháng thì anh chị ra ăn riêng, nhưng vẫn ở cùng nhà. Khoảng năm 2018 anh K đi làm thợ mộc trong Miền Nam còn chị H về quê ngoại sinh sống, cũng trong thời gian này chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh K biết chuyện nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh K đuổi không cho chị H về nhà. Khoảng cuối tháng 10/2020 bà H có nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Toà án, về việc chị H làm đơn xin ly hôn, bà đã giao thông báo cho anh K, anh K có nói đề tìm gặp chị H giải quyết nhưng sau đó khoảng 20 ngày thì anh K vào Miền Nam làm ăn. Bà H không có ý kiến gì về việc anh K, chị H ly hôn; nếu anh K được quyền nuôi con bà H có trách nhiệm cùng anh K chăm sóc, nuôi dưỡng.

** Tại phiên toà:*

- Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Ch; giao anh K nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Q. Chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại

phiên toà lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Ch cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Minh Q cho anh K nuôi dưỡng, cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí ly hôn: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị H cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Văn K không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K là hợp pháp. Chị H cho rằng: Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh K ham chơi cờ bạc, lười lao động, không quan tâm tới gia đình, chị và gia đình đã khuyên bảo anh K nhiều lần nhưng anh K không nghe, nên vợ chồng xảy ra cãi nhau căng thẳng. Đến tháng 8/2016, chị cảm thấy không thể chung sống cùng anh K được nên đã ly thân với anh K cho đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh K.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và nơi cư trú của anh K, xác định nguyên nhân vợ chồng chị H và anh K xảy ra mâu thuẫn, như ý kiến của chị H trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, anh K đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án nhưng anh K không hợp tác làm việc, không tham gia hoà giải, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/01/2009, do ông bà nội cháu là ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H đang nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Hữu Ch, sinh ngày 01/12/2010, do chị H đang nuôi dưỡng.

Chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ch; giao anh K nuôi dưỡng cháu Q, cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Nguyên vọng của cháu Ch muốn được ở với chị H; cháu Q muốn được ở với anh K.

Xét nguyện vọng của cháu Ch, cháu Q và ý kiến của chị H là chính đáng, phù hợp với thực tế và điều kiện ăn ở, sinh hoạt, học tập của các cháu. Quá trình giải quyết vụ án, anh K không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung, không đến Toà án làm việc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Ch cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh K nuôi dưỡng, cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, nếu anh K đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi anh K có đơn yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Hữu Ch, sinh ngày 01/12/2010 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Ch đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/01/2009 cho anh Nguyễn Văn K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003773 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Công Lý;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy